

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 3 – 2019

V/v “Tranh chấp về nuôi con của  
nam, nữ chung sống với nhau như vợ  
chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Trương Ánh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C.

Trong các ngày 06, 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1000/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Diễm M, sinh năm: 1999. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã HT, huyện TB, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thiện A, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Diễm M trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Thiện A xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ ngày 19/3/2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán; hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh A phát sinh mâu thuẫn do anh A không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình không hạnh phúc. Chị và anh A đã ly thân

cách đây 03 tháng. Không thể tiếp tục chung sống với anh A được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Thiện A.

- Về con chung: Chị và anh A có 01 người con chung đặt tên Võ Thiện N, sinh ngày 03/10/2018, chưa làm giấy khai sinh. Hiện cháu N đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh A không có nợ chung, cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Võ Thiện A: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo cho anh A đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh A đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 14/02/2019, ngày 06/3/2019 nhưng anh A vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Diễm M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phan Diễm M và anh Võ Thiện A chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị M xin ly hôn và yêu cầu nuôi con. Do đó tranh chấp giữa chị M và anh A được xác định là “tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Anh A hiện có địa chỉ cư trú tại thành phố C; anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Diễm M và anh Võ Thiện A có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2018, không có đăng ký kết hôn do anh A chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Điều này được chị M thừa nhận. Xét thấy chị M và anh A được cưới, gả và chung sống với nhau như vợ chồng từ khi anh A chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, đến nay anh A vẫn chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh A không có giá trị pháp lý.

Thời gian chung sống, chị M xác định chị và anh A phát sinh mâu thuẫn do anh A không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; chị và anh A không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh A. Đối với

anh Võ Thiện A: Anh A đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Diễm M. Xét việc chung sống của chị M và anh A có vi phạm về việc đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ, chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M xác định chị và anh A có 01 người con chung được đặt tên là Võ Thiện N, sinh ngày 03/10/2018, chưa đăng ký khai sinh, đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Võ Thiện N hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh A không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định chị và anh A không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Diễm M và anh Võ Thiện A.

2 - Về con chung: Giao cháu Võ Thiện N, sinh ngày 03/10/2018 (chưa đăng ký khai sinh) cho chị Phan Diễm M trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Thiện A không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh A không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị M xác định chị và anh A không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 12 năm 2018, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 1684) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp.C;
- THADS Tp.C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Ngọc Hân**